

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 14 - 44 |
| 8. Phụ lục | 45 - 46 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Camimex (tiền thân là Công ty TNHH Camimex) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần 13 ngày 11 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại : (0290) 3 831 608
- Fax : (0290) 3 580 827

Công ty có Chi nhánh Công ty Cổ phần Camimex tại thành phố Hồ Chí Minh đặt tại địa chỉ: 33/3 đường Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Chế biến thủy sản các loại;
- Nuôi tôm;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Xuất khẩu nông sản thực phẩm;
- Xuất nhập khẩu thủy sản các loại;
- Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân;
- Bán buôn tổng hợp;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|---------------------|------------|---|
| Ông Bùi Sĩ Tuấn | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019 |
| Ông Bùi Đức Cường | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019 |
| Ông Đặng Ngọc Sơn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2020 |
| Ông Trần Minh Thiệu | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2020 |
| Ông Trần Quốc Phong | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2020 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2021 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|------------|---|
| Bà Lữ Hồng Lam | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Đăng Duẩn | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Hoài Linh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021 |
| Bà Đinh Thị Hoa | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Văn Thắng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Hoàng Nghị | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Đặng Ngọc Sơn | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2020 |
| Ông Bùi Đức Cường | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019 |
| Ông Huỳnh Văn Tấn | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2019 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019).

Ông Bùi Sĩ Tuấn đã ủy quyền cho Ông Bùi Đức Cường – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy ủy quyền số 03/UQ/HĐQT/CMC.2022 ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Hội đồng quản trị,

Bùi Sĩ Tuấn
Chủ tịch

**CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực... 1446... quyển số... 01... 2023...-SCT/B

Ngày 15 tháng 3 năm 2022... tháng... 06... năm 20 23

CÔNG CHỨNG VIÊN



Cao Thị Kiều Diễm

Số: 4.0095/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2022, từ trang 07 đến trang 46 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Camimex tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



ngb

**CHỨNG THỰC BẢN SẠC
ĐỒNG VỚI BAN CHỈNH**

Nguyễn Hữu Danh – Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2018-008-1

Nguyễn Hữu Nghi - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3132-2020-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Thực hiện số 1447... quyền số 01.6205-SCT/B

Ngày 20 tháng 06 năm 2023

CÔNG CHỨNG VIÊN



Cao Thị Kiều Diễm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN SAO**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1.342.771.374.394 | 1.085.352.234.254 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 23.330.850.947 | 5.420.807.506 |
| 1. Tiền | 111 | V.1 | 23.330.850.947 | 5.420.807.506 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | 8.232.635.616 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | - | 8.232.635.616 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 460.952.659.619 | 461.720.150.397 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 425.650.142.951 | 193.491.898.642 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 31.715.142.096 | 163.851.675.420 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | 75.931.857.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 4.469.671.072 | 28.444.719.335 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (882.296.500) | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 851.128.429.187 | 602.350.615.573 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 890.485.276.570 | 638.738.320.852 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.7 | (39.356.847.383) | (36.387.705.279) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 7.359.434.641 | 7.628.025.162 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 786.038.628 | 1.130.214.096 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 3.574.714.548 | 3.713.471.635 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.15 | 2.998.681.465 | 2.784.339.431 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 587.737.514.620 | 598.636.165.257 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 7.618.672.000 | 7.618.672.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 7.618.672.000 | 7.618.672.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 403.246.934.569 | 441.415.998.649 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 289.327.010.605 | 314.100.173.041 |
| - Nguyên giá | 222 | | 486.556.836.816 | 472.802.458.213 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (197.229.826.211) | (158.702.285.172) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.10 | 22.338.803.006 | 31.275.136.910 |
| - Nguyên giá | 225 | | 45.424.320.258 | 45.424.320.258 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (23.085.517.252) | (14.149.183.348) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 91.581.120.958 | 96.040.688.698 |
| - Nguyên giá | 228 | | 112.989.412.986 | 112.989.412.986 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (21.408.292.028) | (16.948.724.288) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 71.238.903.742 | 88.913.999.597 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.12 | 71.238.903.742 | 88.913.999.597 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 95.000.000.000 | 45.000.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.2b | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2b | 50.000.000.000 | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | V.2a | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 10.633.004.309 | 15.687.495.011 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 10.633.004.309 | 15.687.495.011 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.930.508.889.014 | 1.683.988.399.511 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.074.245.793.837 | 890.794.645.471 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 949.168.138.019 | 858.962.352.749 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 204.736.725.952 | 233.294.012.376 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.14 | 153.901.872.999 | 6.188.131.216 |
| 3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15 | 10.046.857.960 | 7.823.107.058 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.16 | 7.247.968.896 | 5.475.271.282 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.17 | 4.479.548.719 | 4.220.651.051 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18 | 15.748.827.535 | 4.550.816.614 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.19a | 552.126.335.958 | 596.430.363.152 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.20 | 880.000.000 | 980.000.000 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 125.077.655.818 | 31.832.292.722 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.19b | 125.077.655.818 | 31.832.292.722 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 856.263.095.177 | 793.193.754.040 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 856.263.095.177 | 793.193.754.040 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.21a | 630.000.000.000 | 630.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 630.000.000.000 | 630.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.21a | 6.800.000.000 | 6.800.000.000 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.21a | 219.463.095.177 | 156.393.754.040 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 156.393.754.040 | 156.393.754.040 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 63.069.341.137 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.930.508.889.014 | 1.683.988.399.511 |

CHỨNG THỰC BẢN SẠC ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 1448... quyền số: 1448... SCT/B

Ngày 20 tháng 06 năm 2022

CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG
CÔNG CHỨNG
CAO THỊ KIỀU DIỄM
TP. CÀ MAU - T. CÀ MAU

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX
CAMIMEX CORP
MSSDN: 2000122903
TP. CÀ MAU - T. CÀ MAU

Cà Mau, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Trần Quốc Phong
Người lập

Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng

Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN SAO**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1.960.234.120.665 | 1.429.999.392.288 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 3.119.933.750 | 11.935.715.831 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1.957.114.186.915 | 1.418.063.676.457 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 1.716.607.329.804 | 1.239.385.803.562 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 240.506.857.111 | 178.677.872.895 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 12.632.335.942 | 8.814.123.751 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 51.508.932.795 | 47.094.267.258 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 40.513.960.547 | 38.391.196.275 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 86.131.853.767 | 41.199.405.809 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 43.846.335.284 | 32.418.624.117 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 71.652.071.207 | 66.779.699.462 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 11.838.745.420 | 148.526.376 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 10.285.354.013 | 4.009.828.984 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 1.553.391.407 | (3.861.302.608) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 73.205.462.614 | 62.918.396.854 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.15 | 10.136.121.477 | 7.088.755.829 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | (8.518.684) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 63.069.341.137 | 55.838.159.709 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | - | - |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | - | - |

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNHSố chứng thực: 1449... quyền số 01.623 SGT/B...
Ngày 10 tháng 06 năm 2022**CÔNG CHỨNG VIÊN**Trần Quốc Phong
Người lậpNguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 14 tháng 3 năm 2022

Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN SAO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-----------------|-------------------------|--------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 73.205.462.614 | 62.918.396.854 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9, V.10, V.11 | 52.586.452.471 | 43.869.266.644 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6, V.7 | 3.851.438.604 | 6.365.049.823 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.4, VI.5 | 2.052.003.200 | (322.681.949) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4, VI.8 | (1.097.528.803) | (784.548.521) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 40.513.960.547 | 38.391.196.275 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 171.111.788.633 | 150.436.679.126 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (76.512.128.425) | 6.888.531.159 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (251.746.955.718) | (28.018.137.082) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 131.294.972.641 | (67.991.917.308) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 5.398.666.170 | (6.491.962.487) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | V.17, VI.5 | (40.255.062.879) | (38.511.920.003) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.15 | (7.221.615.582) | (10.310.696.813) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.20 | (100.000.000) | (20.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (68.030.335.160) | 5.980.576.592 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9, V.12 | (29.137.833.928) | (101.009.134.442) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 32.907.938.087 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (58.045.280.000) | (178.003.635.616) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 142.209.772.616 | 93.839.143.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | V.2b | (50.000.000.000) | (15.000.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5a, VI.4 | 416.280.204 | 784.548.521 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 38.350.876.979 | (199.389.078.537) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | 75.000.000.000 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.19a,b | 2.950.520.348.913 | 2.063.841.174.907 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.19a,b | (2.895.604.008.147) | (1.953.474.721.387) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | V.19a | (7.346.982.729) | (6.826.669.360) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 47.569.358.037 | 178.539.784.160 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 17.889.899.856 | (14.868.717.785) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 5.420.807.506 | 20.258.704.713 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 20.143.585 | 30.820.578 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 23.330.850.947 | 5.420.807.506 |

Cà Mau, ngày 14 tháng 3 năm 2022


Trần Quốc Phong
Người lập


CHỨNG THỰC BẢN SẴI ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Nguyễn Thị Lam
Số chứng thực: 1450... quyền số: 01...
Kế toán trưởng... Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10... tháng 06... năm 2025



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty có xuất bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (xem thuyết minh số VI.1b) với tổng doanh thu và giá vốn theo sổ sách lần lượt là 351.658.273.472 VND và 301.762.248.895 VND, làm phát sinh khoản lãi 49.896.024.577 VND.

7. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Camimex Organic có trụ sở chính tại ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, nuôi tôm và nuôi trồng thủy sản nội địa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 79,21%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
9. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 1.015 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 936 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Các giao dịch bằng ngoại tệ**
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng

Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo thời hạn thuê (05 năm).

Phí bảo lãnh vay vốn

Phí bảo lãnh vay vốn phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo thời gian bảo lãnh (06 năm).

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 03 – 44 |
| Máy móc và thiết bị | 03 – 54 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 – 14 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 04 – 05 |

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Loại tài sản cố định

Máy móc và thiết bị

Số năm

05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất nhận góp vốn được ghi nhận theo giá trị đánh giá của Hội đồng giao nhận tài sản góp vốn. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép sử dụng. Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của Nhãn hiệu, tên thương mại mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực Kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 1.937.219.810 | 2.968.102.743 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 21.393.631.137 | 2.452.704.763 |
| Cộng | 23.330.850.947 | 5.420.807.506 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng | - | - | 8.232.635.616 | 8.232.635.616 |
| Dài hạn | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng (*) | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Cộng | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 | 13.232.635.616 | 13.232.635.616 |

(*) Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau và Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (xem thuyết minh số V.19a và V.19b).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|------------------------------------|-----------------------|----------|----------------|-----------------------|----------|----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Đầu tư vào công ty con | | | | | | |
| Công ty TNHH Camimex Organic (i) | 40.000.000.000 | - | - | 40.000.000.000 | - | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Camimex Foods (ii) | 50.000.000.000 | - | - | - | - | - |
| Cộng | 90.000.000.000 | - | - | 40.000.000.000 | - | - |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 20001014506 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 4 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 3 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Camimex Organic 40.000.000.000 VND, tương đương 79,21% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ vào Công ty này.

(ii) Trong năm, Công ty đã mua 5.000.000 cổ phần tương đương 16,67% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Camimex Foods với giá mua là 50.000.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với công ty con

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Camimex Organic là công ty con trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Mua hàng hóa | 229.921.363.907 | 42.061.734.217 |
| Phí hỗ trợ mua tôm nguyên liệu | 7.384.671.561 | 7.300.000.000 |
| Chi phí gia công | 340.576.250 | - |
| Phí dịch vụ của dự án Tôm sinh thái | 36.670.700.100 | - |
| Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng | - | (15.000.000.000) |
| Vay tiền không lãi suất | 74.260.000.000 | 52.067.000.000 |
| Trả tiền vay | (101.480.818.164) | (54.806.615.152) |
| 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | |
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | 127.767.144.863 |
| Công ty Cổ phần Camimex Group | - | 127.767.144.863 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 425.650.142.951 | 65.724.753.779 |
| Công ty TNHH Thương mại Thảo Vy Cà Mau | 49.221.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh | 143.488.800.000 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú | 104.200.000.000 | - |
| Các khách hàng khác | 128.740.342.951 | 65.724.753.779 |
| Cộng | <u>425.650.142.951</u> | <u>193.491.898.642</u> |
| 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn | | |
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | 2.500.000.000 | 117.015.183.439 |
| Công ty TNHH Camimex Organic | - | 15.403.743.940 |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải | - | 101.611.439.499 |
| Ông Bùi Đức Cường | 2.500.000.000 | - |
| <i>Trả trước cho các người bán khác</i> | 29.215.142.096 | 46.836.491.981 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Xây dựng Trường Giang | 4.366.232.000 | 16.876.646.000 |
| M/s Satish Marine Exim Private Limited | - | 12.855.493.670 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghiệp Á Châu | 1.740.288.000 | 1.675.800.500 |
| Công ty TNHH MTV Thiết kế - Giám sát - Xây dựng Hưng Long | 739.361.500 | 739.361.500 |
| Công ty TNHH Cơ điện lạnh Recom | 14.921.277.959 | 374.346.787 |
| Các nhà cung cấp khác | 7.447.982.637 | 14.314.843.524 |
| Cộng | <u>31.715.142.096</u> | <u>163.851.675.420</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Camimex Group - Phải thu tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu | - | - | 11.980.646.273 | - |
| Công ty Cổ phần Camimex Group - Phải thu chi phí bảo hiểm dịch vụ | - | - | 5.558.743.623 | - |
| Công ty TNHH Camimex Organic - Phải thu khác | - | - | 2.617.768.213 | - |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải- Phải thu khác | - | - | 1.034.599.590 | - |
| Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát - Phải thu khác | - | - | 1.235.728.778 | - |
| | - | - | 1.533.806.069 | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 4.469.671.072 | - | 16.464.073.062 | - |
| Tạm ứng | 3.340.320.692 | - | 6.209.096.325 | - |
| Lãi dự thu gửi có kỳ hạn | 194.219.178 | - | 25.367.274 | - |
| Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 910.000.000 | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 25.131.202 | - | 10.229.609.463 | - |
| Cộng | 4.469.671.072 | - | 28.444.719.335 | - |

5b. Phải thu dài hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Các khoản ký quỹ cho: | | | | |
| - Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam | 7.470.000.000 | - | 7.470.000.000 | - |
| - Chi nhánh Công ty Cổ phần Bitexco Nam Long | 148.672.000 | - | 148.672.000 | - |
| Cộng | 7.618.672.000 | - | 7.618.672.000 | - |

6. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | |
|---|-------------------|-------------|------------------------|------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| <i>Các tổ chức khác</i> | | | | | |
| Công ty TNHH MTV Thiết kế - Giám sát - Xây dựng Hưng Long Trên 03 năm | | 739.361.500 | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, xóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------|---------------------------------|--------------------|---------------------------|------------|---------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| - Trả trước cho người bán | | | | | |
| Phải thu các tổ chức khác | Từ 02 năm đến trên 03 năm | | | | |
| | | 178.335.000 | 35.400.000 | - | - |
| Cộng | | 178.335.000 | 35.400.000 | - | - |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|--------------------|-----------|
| Số đầu năm | - | - |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 882.296.500 | - |
| Số cuối năm | 882.296.500 | - |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 10.546.456.052 | - | 8.236.110.894 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 1.683.291.539 | - | 1.281.341.494 | - |
| Thành phẩm | 878.255.528.979 | (39.356.847.383) | 629.220.868.464 | (36.387.705.279) |
| Cộng | 890.485.276.570 | (39.356.847.383) | 638.738.320.852 | (36.387.705.279) |

Một số thành phẩm tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 276.600.000.000 VND (số đầu năm là 127.200.000.000 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.19a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 36.387.705.279 | 30.022.655.456 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 2.969.142.104 | 6.365.049.823 |
| Số cuối năm | 39.356.847.383 | 36.387.705.279 |

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|--------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 767.786.660 | 782.911.387 |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 18.251.968 | 347.302.709 |
| Cộng | 786.038.628 | 1.130.214.096 |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|---------------|---------------|
| Công cụ, dụng cụ | 3.845.958.409 | 2.707.372.986 |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 2.929.028.105 | 6.718.625.774 |
| Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng | 117.814.504 | 1.087.814.498 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Phí bảo lãnh vay vốn | 398.426.393 | 519.309.725 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 3.341.776.898 | 4.654.372.028 |
| Cộng | <u>10.633.004.309</u> | <u>15.687.495.011</u> |

9. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 210.336.141.951 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng và Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (xem thuyết minh số V.19a và V.19b).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

| | <u>Máy móc và thiết bị</u> |
|------------------------|--------------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | 45.424.320.258 |
| Số cuối năm | <u>45.424.320.258</u> |
| Giá trị hao mòn | |
| Số đầu năm | 14.149.183.348 |
| Khấu hao trong năm | 8.936.333.904 |
| Số cuối năm | <u>23.085.517.252</u> |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 31.275.136.910 |
| Số cuối năm | <u>22.338.803.006</u> |

11. Tài sản cố định vô hình

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Nhãn hiệu, tên thương mại</u> | <u>Chương trình phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u> |
|--|------------------------------|--------------------------------------|---|-------------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 49.300.513.000 | 62.907.674.178 | 781.225.808 | 112.989.412.986 |
| Số cuối năm | <u>49.300.513.000</u> | <u>62.907.674.178</u> | <u>781.225.808</u> | <u>112.989.412.986</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | 331.225.808 | 331.225.808 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 3.973.447.648 | 12.581.550.832 | 393.725.808 | 16.948.724.288 |
| Khấu hao trong năm | 1.164.184.032 | 3.145.383.708 | 150.000.000 | 4.459.567.740 |
| Số cuối năm | <u>5.137.631.680</u> | <u>15.726.934.540</u> | <u>543.725.808</u> | <u>21.408.292.028</u> |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 45.327.065.352 | 50.326.123.346 | 387.500.000 | 96.040.688.698 |
| Số cuối năm | <u>44.162.881.320</u> | <u>47.180.739.638</u> | <u>237.500.000</u> | <u>91.581.120.958</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEXĐịa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 44.162.881.320 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19a).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển vào chi phí</u> | <u>Kết chuyển giảm khác ⁽ⁱ⁾</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|---|-----------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|-----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 30.954.808.986 | 1.383.289.239 | (32.338.098.225) | - | - |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 57.959.190.611 | 24.791.983.131 | - | (11.512.270.000) | 71.238.903.742 |
| - Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 - Nhận bàn giao máy móc thiết bị góp vốn từ Công ty Cổ phần Camimex Group | 7.492.033.611 | - | - | - | 7.492.033.611 |
| - Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 - Nhận bàn giao chi phí đầu tư xây dựng cơ bản từ Công ty Cổ phần Camimex Group | 22.494.312.000 | - | - | - | 22.494.312.000 |
| - Công trình dự án nuôi tôm công nghệ cao | 11.512.270.000 | - | - | (11.512.270.000) | - |
| - Công trình thiết kế hạng mục Nhà máy xí nghiệp 3- Zone 1 sản xuất Cá Chém | 200.000.000 | 16.114.752.727 | - | - | 16.314.752.727 |
| - Công trình xây dựng khóm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau | - | 7.500.000.000 | - | - | 7.500.000.000 |
| - Các công trình khác | 16.260.575.000 | 1.177.230.404 | - | - | 17.437.805.404 |
| Cộng | 88.913.999.597 | 26.175.272.370 | (32.338.098.225) | (11.512.270.000) | 71.238.903.742 |

⁽ⁱ⁾ Giảm theo sự phân bổ dự án đầu tư của Tập đoàn Camimex cho Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex tại Công văn số 300621/CV.CMM_2021 ngày 30/6/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký duyệt và dự án đã được hoàn tiền lại.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 74.830.015.777 | 42.616.827.931 |
| Công ty Cổ phần Camimex Group | - | 23.343.746 |
| Công ty Cổ phần Camimex Logistics | 15.695.041.369 | 3.432.857.407 |
| Công ty Cổ phần Camimex Foods | 5.147.132.051 | 247.575.541 |
| Công ty TNHH Camimex Organic | 38.119.433.613 | - |
| Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát | 1.184.859.192 | 1.882.489.352 |
| Công ty TNHH Thủy sản Ngân Thiên Phú | - | 37.030.561.885 |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải | 14.683.549.552 | - |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 129.906.710.175 | 190.677.184.445 |
| Ulka Seafoods (P) Ltd | - | 8.978.261.960 |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh | 59.637.551.824 | 28.489.681.482 |
| Interseas, Ltd | 5.763.875.760 | 9.848.450.699 |
| Aqua Geno Exim, Ltd | - | 28.386.995.562 |
| Công ty TNHH MTV Bùi Ngọc Trâm | 32.203.840.392 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Các nhà cung cấp khác | 32.301.442.199 | 114.973.794.742 |
| Cộng | 204.736.725.952 | 233.294.012.376 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|----------------------|
| <i>Trả trước của bên liên quan</i> | <i>151.000.000.000</i> | - |
| Công ty Cổ phần Camimex Group | 151.000.000.000 | - |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | <i>2.901.872.999</i> | <i>6.188.131.216</i> |
| Aqua Link Co., Ltd. | - | 693.570.624 |
| DKSH GMBH | - | 4.648.017.000 |
| Shin Gang Corp | - | 692.619.050 |
| Các khách hàng khác | 2.901.872.999 | 153.924.542 |
| Cộng | 153.901.872.999 | 6.188.131.216 |

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong năm</u> | | <u>Số cuối năm</u> | |
|--|----------------------|----------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã thực nộp</u> | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 2.784.339.431 | - | - | - | 2.784.339.431 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.116.502.865 | - | 10.136.121.477 | (7.221.615.582) | 10.031.008.760 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 698.403.793 | - | 761.409.034 | (1.674.154.861) | - | 214.342.034 |
| Thuế tài nguyên | 8.200.400 | - | 159.733.200 | (152.084.400) | 15.849.200 | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 39.331.731 | (39.331.731) | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 364.088.092 | (364.088.092) | - | - |
| Cộng | 7.823.107.058 | 2.784.339.431 | 11.460.683.534 | (9.451.274.666) | 10.046.857.960 | 2.998.681.465 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|---|--------------------------|
| - Hàng thủy sản xuất khẩu | 0% |
| - Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại | Không kê khai, tính thuế |
| - Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản | 5% |
| - Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản | 10% |
| - Các dịch vụ khác | 10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, xóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 73.205.462.614 | 62.918.396.854 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 17.910.005.680 | 9.297.758.961 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (2.050.560) | - |
| Thu nhập chịu thuế | 91.113.417.734 | 72.216.155.815 |
| Thu nhập được miễn thuế | - | - |
| Lỗi các năm trước được chuyển | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 91.113.417.734 | 72.216.155.815 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i> | <i>18.222.683.547</i> | <i>14.443.231.164</i> |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i> | <i>(8.086.562.070)</i> | <i>(7.221.615.582)</i> |
| <i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i> | <i>-</i> | <i>(132.859.753)</i> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | <u>10.136.121.477</u> | <u>7.088.755.829</u> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất với mức 5.000 VND/m³ và cho hoạt động khai thác nước trên mặt với mức 4.000 VND/m³.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

- 16. Phải trả người lao động**
Tiền lương còn phải trả cho người lao động.
- 17. Chi phí phải trả ngắn hạn**
Chi phí lãi vay phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | 48.122.329 |
| Công ty Cổ phần Camimex Group - phải trả cho hoạt động ủy thác xuất khẩu | - | 48.122.329 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 15.748.827.535 | 4.502.694.285 |
| Kinh phí công đoàn | 2.919.540.194 | 2.461.906.386 |
| Bảo hiểm xã hội | 851.926.695 | 337.154.458 |
| Nhận ký quỹ ngắn hạn | 480.000.000 | 300.000.000 |
| Nhóm quản lý phát triển nuôi tôm sinh thái | - | 733.141.951 |
| Coop Basel - Tiền mượn | 7.779.303.787 | - |
| Jullia Alex Asianfood - Tiền đặt cọc chuyển không đúng hợp đồng | 2.903.758.000 | - |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 814.298.859 | 670.491.490 |
| Cộng | 15.748.827.535 | 4.550.816.614 |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i> | 16.490.081.030 | 80.591.241.425 |
| Các cá nhân có liên quan ^(vi) | 8.720.000.000 | 33.667.000.000 |
| Vay Công ty Cổ phần Camimex Group ^(vi) | 7.770.081.030 | - |
| Vay Công ty TNHH Camimex Organic ^(vi) | - | 27.220.818.164 |
| Vay Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải ^(vi) | - | 9.192.929.297 |
| Vay Công ty Cổ phần Camimex Foods ^(vi) | - | 5.510.493.964 |
| Vay Công ty TNHH LD Công nghệ cao Camimex ^(vi) | - | 5.000.000.000 |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 535.636.254.928 | 515.839.121.727 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 478.918.285.080 | 367.097.736.688 |
| - Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾ | 78.762.175.100 | 88.240.420.938 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾ | 31.363.117.926 | 39.234.150.828 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 154.602.231.603 | 113.586.114.541 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ^(iv) | 133.707.882.570 | 55.776.945.300 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(v) | 43.281.860.321 | 36.517.195.000 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh | - | 33.742.910.081 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ^(vi) | 37.201.017.560 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác ^(vii) | 10.400.000.000 | 19.400.553.933 |
| - Vay Công ty TNHH MTV Bùi Ngọc Trâm | - | 15.000.000.000 |
| - Vay Công ty TNHH Liên Hoa | - | 553.933 |
| - Vay Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú | 10.400.000.000 | 4.400.000.000 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân ^(vii) | 30.650.000.000 | 15.290.000.000 |
| Trái phiếu thường ngắn hạn | - | 99.449.701.940 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b) | 5.384.168.000 | 5.837.488.000 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b) | 10.283.801.848 | 8.763.641.166 |
| Cộng | <u>552.126.335.958</u> | <u>596.430.363.152</u> |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động mua tôm nguyên liệu với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.9 và V.11).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý, tài sản hình thành trong tương lai và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.7, V.9 và VII.1a).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn và quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.9 và V.11).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hợp đồng tiền gửi, hàng hóa và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.2a, V.7 và VII.1a).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất của Công ty và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.9, V.11 và VII.1a).
- (vi) Vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng.
- (vii) Khoản vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác không tính lãi.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Chênh lệch tỷ giá cuối năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-------------------------------|------------------------|--|--|-------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 367.097.736.688 | 2.075.473.704.840 | - | (1.965.025.134.313) | 1.371.977.865 | 478.918.285.080 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | 66.324.795.358 | 338.685.981.030 | - | (386.840.695.358) | - | 18.170.081.030 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 48.957.000.000 | 423.695.000.000 | - | (433.282.000.000) | - | 39.370.000.000 |
| Trái phiếu thường ngắn hạn | 99.449.701.940 | 550.298.060 | - | (100.000.000.000) | - | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 5.837.488.000 | - | 5.384.168.000 | (5.837.488.000) | - | 5.384.168.000 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 8.763.641.166 | - | 8.867.143.411 | (7.346.982.729) | - | 10.283.801.848 |
| Cộng | 596.430.363.152 | 2.838.404.983.930 | 14.251.311.411 | (2.898.332.300.400) | 1.371.977.865 | 552.126.335.958 |

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|-----------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 1.227.120.000 | 2.855.035.000 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾ | 1.227.120.000 | 1.875.035.000 |
| - Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau | - | 980.000.000 |
| Vay dài hạn các tổ chức khác | 6.830.000.000 | 9.530.000.000 |
| Vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾ | 6.830.000.000 | 9.530.000.000 |
| Nợ thuê tài chính | 19.280.114.311 | 19.447.257.722 |
| Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,2%/năm, thời hạn 05 năm | 12.175.114.311 | 19.447.257.722 |
| Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 8%/năm, thời hạn 05 năm | 7.105.000.000 | - |
| Trái phiếu thường dài hạn ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 97.740.421.507 | - |
| Cộng | 125.077.655.818 | 31.832.292.722 |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau để mua xe ô tô với lãi suất của 6 tháng đầu tiên là 9,0%/năm, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn vay 48 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 01 năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Khoản vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam để đầu tư nhà máy xử lý nước thải-1000m3/ngày đêm tại nhà máy xí nghiệp 5 với lãi suất 2%/năm, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 10 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng Chứng thư bảo lãnh Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vượng, thể chấp hợp đồng tiền gửi và toàn bộ hệ thống xử lý nước thải (xem thuyết minh số V.2a và V.9).

- (iii) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 24 tháng, tổng mệnh giá 100.000.000.000 VND với lãi suất 11,25%/năm được phát hành cho các nhà đầu tư riêng lẻ để bổ sung vốn lưu động.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | <u>Từ 01 năm trở xuống</u> | <u>Trên 01 năm đến 05 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|--------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 2.684.168.000 | 1.227.120.000 | 3.911.288.000 |
| Vay dài hạn tổ chức khác | 2.700.000.000 | 6.830.000.000 | 9.530.000.000 |
| Nợ thuê tài chính | 10.283.801.848 | 19.280.114.311 | 29.563.916.159 |
| Trái phiếu thường | - | 97.740.421.507 | 97.740.421.507 |
| Cộng | 15.667.969.848 | 125.077.655.818 | 140.745.625.666 |

| | | | |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 3.137.488.000 | 2.855.035.000 | 5.992.523.000 |
| Vay dài hạn tổ chức khác | 2.700.000.000 | 9.530.000.000 | 12.230.000.000 |
| Nợ thuê tài chính | 8.763.641.166 | 19.447.257.722 | 28.210.898.888 |
| Cộng | 14.601.129.166 | 31.832.292.722 | 46.433.421.888 |

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

| | <u>Từ 01 năm trở xuống</u> | <u>Trên 01 năm đến 05 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-----------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Tiền gốc phải trả | 10.283.801.848 | 19.280.114.311 | 29.563.916.159 |
| Lãi thuê phải trả | 2.244.071.868 | 754.878.170 | 2.998.950.038 |
| Nợ thuê tài chính phải trả | 12.527.873.716 | 20.034.992.481 | 32.562.866.197 |

| | | | |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | | | |
| Tiền gốc phải trả | 8.763.641.166 | 19.447.257.722 | 28.210.898.888 |
| Lãi thuê phải trả | 1.989.913.356 | 953.913.640 | 2.943.826.996 |
| Nợ thuê tài chính phải trả | 10.753.554.522 | 20.401.171.362 | 31.154.725.884 |

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--------------------------|-----------------------|--|-------------------------------------|---|------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 2.855.035.000 | 1.300.000.000 | (243.747.000) | (2.684.168.000) | 1.227.120.000 |
| Vay dài hạn tổ chức khác | 9.530.000.000 | - | - | (2.700.000.000) | 6.830.000.000 |
| Nợ thuê tài chính | 19.447.257.722 | 8.700.000.000 | - | (8.867.143.411) | 19.280.114.311 |
| Trái phiếu thường | - | 102.115.364.983 | (4.374.943.476) | - | 97.740.421.507 |
| Cộng | 31.832.292.722 | 112.115.364.983 | (4.618.690.476) | (14.251.311.411) | 125.077.655.818 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19c. *Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán*

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------|
| Quỹ phúc lợi | 980.000.000 | (100.000.000) | 880.000.000 |
| Cộng | <u>980.000.000</u> | <u>(100.000.000)</u> | <u>880.000.000</u> |

21. Vốn chủ sở hữu

21a. *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

21b. *Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Camimex Group | 483.150.000.000 | 483.150.000.000 |
| Ông Bùi Sĩ Tuấn | 9.860.000.000 | 2.560.000.000 |
| Các cổ đông khác | 136.990.000.000 | 144.290.000.000 |
| Cộng | <u>630.000.000.000</u> | <u>630.000.000.000</u> |

21c. *Cổ phiếu*

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 63.000.000 | 63.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 63.000.000 | 63.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 63.000.000 | 63.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 63.000.000 | 63.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 63.000.000 | 63.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 7.615,99 USD (số đầu năm là 96.065 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 323.051.836 | 99.987.483.199 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 1.937.452.112.523 | 1.319.653.972.330 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công | 22.458.956.306 | 10.357.936.759 |
| Cộng | <u>1.960.234.120.665</u> | <u>1.429.999.392.288</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------------|----------------|------------------|
| <i>Công ty Cổ phần Camimex Group</i> | | |
| Doanh thu bán thành phẩm | 65.388.822.950 | 1.324.260.000 |
| Doanh thu gia công | 22.332.265.178 | 5.142.681.855 |

Công ty Cổ phần Camimex Foods

| | | |
|--------------------------|---------------|---------------|
| Doanh thu hàng hóa | 287.007.900 | 38.220.500 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 5.288.667.600 | 3.894.299.350 |
| Doanh thu gia công | 1.695.600 | 4.392.057.740 |

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải

| | | |
|--------------------------|-----------------|----------------|
| Doanh thu hàng hóa | - | 45.936.678.050 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 117.706.782.283 | 21.079.204.866 |

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát

| | | |
|--------------------------|----------------|----------------|
| Doanh thu hàng hóa | - | 54.050.805.149 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 50.156.832.079 | - |

Công ty TNHH Thủy sản Ngân Thiên Phú

| | | |
|--------------------------|----------------|---|
| Doanh thu bán thành phẩm | 57.610.989.068 | - |
|--------------------------|----------------|---|

2. Khoản giảm trừ doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Chiết khấu thương mại | - | 407.750.221 |
| Hàng bán bị trả lại | 3.053.895.350 | 11.527.965.610 |
| Giảm giá hàng bán | 66.038.400 | - |
| Cộng | <u>3.119.933.750</u> | <u>11.935.715.831</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 282.412.165 | 99.987.483.199 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 1.693.722.138.524 | 1.124.209.374.391 |
| Giá vốn của dịch vụ gia công đã cung cấp | 19.633.637.011 | 8.823.896.149 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 2.969.142.104 | 6.365.049.823 |
| Cộng | <u>1.716.607.329.804</u> | <u>1.239.385.803.562</u> |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền không kỳ hạn | 12.220.558 | 2.853.452 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 585.132.108 | 784.548.521 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 12.034.983.276 | 7.704.039.829 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 322.681.949 |
| Cộng | <u>12.632.335.942</u> | <u>8.814.123.751</u> |

5. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 40.513.960.547 | 38.391.196.275 |
| <i>Chi phí lãi vay Ngân hàng và lãi vay thuê tài chính</i> | <i>29.797.041.249</i> | <i>23.425.628.184</i> |
| <i>Chi phí lãi trái phiếu</i> | <i>10.716.919.298</i> | <i>14.965.568.091</i> |
| Chi phí phát hành trái phiếu | 2.087.850.325 | 3.132.204.410 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 6.855.118.723 | 5.570.866.573 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 2.052.003.200 | - |
| Cộng | <u>51.508.932.795</u> | <u>47.094.267.258</u> |

6. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 4.453.991.748 | 4.112.112.132 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 204.000.000 | 204.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 67.389.933.760 | 32.128.741.217 |
| Các chi phí khác | 14.083.928.259 | 4.754.552.460 |
| Cộng | <u>86.131.853.767</u> | <u>41.199.405.809</u> |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|----------------|------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 10.850.314.925 | 11.136.774.923 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 2.176.240.946 | 698.158.751 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 8.556.200.308 | 7.243.351.067 |
| Thuế, phí và lệ phí | 45.020.000 | 18.920.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Dự phòng phải thu khó đòi | 882.296.500 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 250.767.000 | 238.559.003 |
| Các chi phí khác | 21.085.495.605 | 13.082.860.373 |
| Cộng | 43.846.335.284 | 32.418.624.117 |
| 8. Thu nhập khác | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 512.396.695 | - |
| Tiền bồi thường | 7.991.056.294 | - |
| Thu nhập từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ | 2.925.831.276 | - |
| Thu nhập từ hỗ trợ doanh nghiệp | - | 104.279.180 |
| Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ | - | 20.000.000 |
| Thu nhập khác | 409.461.155 | 24.247.196 |
| Cộng | 11.838.745.420 | 148.526.376 |
| 9. Chi phí khác | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Phạt do vi phạm hợp đồng | 569.654.055 | 445.522.042 |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 672.998.483 | 642.616.993 |
| Chi trợ cấp mất việc làm cho nhân viên nghỉ việc | 180.109.690 | 295.145.328 |
| Lãi phạt chậm nộp Bảo hiểm xã hội | 4.528.410.367 | 1.045.017.777 |
| Chi phí khác | 4.334.181.418 | 1.581.526.844 |
| Cộng | 10.285.354.013 | 4.009.828.984 |
| 10. Lãi trên cổ phiếu | | |
| Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất. | | |
| 12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.794.494.392.072 | 1.217.556.673.442 |
| Chi phí nhân công | 109.685.535.034 | 98.675.111.534 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 52.586.452.471 | 43.869.266.644 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 102.635.511.253 | 60.499.051.643 |
| Chi phí khác | 42.132.792.734 | 22.217.090.284 |
| Cộng | 2.101.534.683.564 | 1.442.817.193.547 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------|------------------|
| Các thành viên Hội đồng quản trị | | |
| Mua cổ phần từ các cổ đông khác | 7.300.000.000 | - |
| Nhận góp vốn bằng tiền | - | 500.000.000 |
| Vay tiền không lãi suất | 24.670.000.000 | 2.200.000.000 |
| Trả tiền vay | (24.250.000.000) | (2.200.000.000) |
| Ứng trước tiền mua đất | 2.500.000.000 | - |
| Các thành viên Ban Tổng Giám đốc | | |
| Trả tiền vay | - | (5.848.250.000) |
| Nhận góp vốn bằng tiền | - | 1.500.000.000 |
| Cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt | | |
| Bán tài sản được đầu tư từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 32.885.210.814 | - |
| Vay tiền không lãi suất | 950.000.000 | 9.150.000.000 |
| Trả tiền vay | - | (5.000.000.000) |

Cam kết bảo lãnh

Các thành viên Hội đồng quản trị đã dùng cổ phiếu thuộc sở hữu của mình, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 99.102.360.000 VND (xem thuyết minh số V.19a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.4 và V.19a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

| | <u>Chức danh</u> | <u>Tiền lương</u> | <u>Thù lao</u> | <u>Cộng thu nhập</u> |
|-------------------|------------------------------|-------------------|----------------|----------------------|
| Năm nay | | | | |
| Ông Bùi Sĩ Tuấn | Chủ tịch Hội đồng quản trị | - | 72.000.000 | 72.000.000 |
| Ông Đặng Ngọc Sơn | Thành viên Hội đồng quản trị | 234.639.849 | 48.000.000 | 282.639.849 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Chức danh | Tiền lương | Thù lao | Cộng thu nhập |
|-----------------------|--|----------------------|--------------------|----------------------|
| Ông Bùi Đức Cường | kiêm Tổng Giám đốc Thành viên Hội đồng quản trị | 234.640.569 | 48.000.000 | 282.640.569 |
| Ông Trần Minh Thiệu | kiêm Phó Tổng Giám đốc Thành viên Hội đồng quản trị | - | 48.000.000 | 48.000.000 |
| Ông Trần Quốc Phong | Thành viên Hội đồng quản trị | - | 44.000.000 | 44.000.000 |
| Ông Huỳnh Văn Tấn | Phó Tổng Giám đốc | 232.795.915 | - | 232.795.915 |
| Bà Lữ Hồng Lam | Trưởng Ban Kiểm soát | - | 18.800.000 | 18.800.000 |
| Ông Nguyễn Đăng Duẩn | Trưởng Ban Kiểm soát | - | 17.200.000 | 17.200.000 |
| Ông Nguyễn Hoài Linh | Thành viên Ban Kiểm soát | - | 12.533.333 | 12.533.333 |
| Bà Đinh Thị Hoa | Thành viên Ban Kiểm soát | - | 12.533.333 | 12.533.333 |
| Ông Nguyễn Văn Thắng | Thành viên Ban Kiểm soát | - | 11.466.667 | 11.466.667 |
| Ông Nguyễn Hoàng Nghị | Thành viên Ban Kiểm soát | - | 11.466.667 | 11.466.667 |
| Cộng | | 702.076.333 | 344.000.000 | 1.046.076.333 |
| Năm trước | | | | |
| Ông Bùi Sĩ Tuấn | Chủ tịch Hội đồng quản trị | 585.102.180 | - | 585.102.180 |
| Ông Đặng Ngọc Sơn | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc | 227.124.740 | - | 227.124.740 |
| Ông Bùi Đức Cường | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 227.121.680 | - | 227.121.680 |
| Ông Huỳnh Văn Tấn | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 311.461.313 | - | 311.461.313 |
| Ông Nguyễn An Ninh | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 122.733.207 | - | 122.733.207 |
| Cộng | | 1.473.543.120 | - | 1.473.543.120 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|--|
| Công ty Cổ phần Camimex Group | Công ty mẹ |
| Công ty TNHH Camimex Organic | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Camimex Logistics | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Camimex Foods | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex (tên cũ là Công ty TNHH LD Công nghệ cao Camimex) | Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải | Công ty liên quan của thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát | Công ty có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ |
| Công ty TNHH Thủy sản Ngân Thiên Phú | Công ty liên quan của thành viên Hội đồng quản trị của Công ty |
| Ông Nguyễn Xuân Toán | Cổ đông góp vốn |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b và với các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Camimex Group | | |
| Nhận góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng | - | 66.400.000.000 |
| Mua tài sản cố định | - | 8.500.000.000 |
| Cho vay không lãi suất | - | (169.771.000.000) |
| Thu tiền cho vay | - | 93.839.143.000 |
| Vay tiền | 11.701.081.030 | - |
| Trả tiền vay | (3.931.000.000) | - |
| Nhận ứng trước tiền hàng | 151.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Camimex Logistics | | |
| Chi phí dịch vụ vận chuyển | 49.048.245.142 | 18.335.858.147 |
| Công ty Cổ phần Camimex Foods | | |
| Mua hàng hóa | 231.522.591.507 | 125.582.074.468 |
| Phí hỗ trợ mua tôm nguyên liệu | 20.373.154.454 | 2.408.619.375 |
| Chi phí gia công | 1.230.207.635 | 27.185.250 |
| Vay tiền | 50.468.000.000 | 27.320.000.000 |
| Trả tiền vay | (55.978.493.964) | (21.809.506.036) |
| Công ty TNHH LD Công nghệ cao Camimex | | |
| Vay tiền | - | 5.000.000.000 |
| Trả tiền vay | (5.000.000.000) | - |
| Nhận tiền hoàn lại từ dự án nuôi tôm công nghệ cao | 11.512.270.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vinh Hải | | |
| Mua hàng hóa | 125.500.788.151 | 69.612.611.333 |
| Ứng trước tiền mua nguyên liệu | - | (83.503.450.371) |
| Vay tiền không lãi suất | 113.786.900.000 | 47.479.422.691 |
| Trả tiền vay | (122.979.829.297) | (89.074.124.826) |
| Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát | | |
| Mua hàng hóa | - | 14.291.292.860 |
| Chi phí gia công | 267.455.900 | 1.792.847.000 |
| Vay tiền không lãi suất | - | 30.400.000.000 |
| Trả tiền vay | - | (30.400.000.000) |
| Ông Nguyễn Xuân Toán | | |
| Vay tiền không lãi suất | 13.500.000.000 | 65.114.000.000 |
| Trả tiền vay | (37.962.000.000) | (55.500.000.000) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.13, V.14, V.18 và V.19a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động chế biến các sản phẩm từ thủy sản đông lạnh. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:


| | Năm nay | Năm trước |
|------------|--------------------------|--------------------------|
| Nước ngoài | 1.341.591.587.532 | 1.249.221.624.570 |
| Trong nước | 615.522.599.383 | 168.842.051.887 |
| Cộng | <u>1.957.114.186.915</u> | <u>1.418.063.676.457</u> |

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Ngày 20 tháng 06 năm 2022

Cà Mau, ngày 14 tháng 3 năm 2022


Trần Quốc Phong
Người lập


Nguyễn Thị Lâm
Kế toán trưởng


Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

BẢN SAO

Đơn vị tính: VND

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 174.922.713.635 | 261.299.745.567 | 35.092.685.015 | 1.487.313.996 | 472.802.458.213 |
| Mua trong năm | 7.077.529.122 | 5.376.498.800 | 1.897.203.636 | 123.600.000 | 14.474.831.558 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (720.452.955) | - | (720.452.955) |
| Số cuối năm | 182.000.242.757 | 266.676.244.367 | 36.269.435.696 | 1.610.913.996 | 486.556.836.816 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 15.532.428.476 | 32.143.681.812 | 3.981.517.046 | 1.229.813.996 | 52.887.441.330 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 45.991.816.527 | 95.647.041.576 | 15.798.180.536 | 1.265.246.533 | 158.702.285.172 |
| Khấu hao trong năm | 13.406.381.338 | 21.831.031.960 | 3.864.906.744 | 88.230.785 | 39.190.550.827 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (663.009.788) | - | (663.009.788) |
| Số cuối năm | 59.398.197.865 | 117.478.073.536 | 19.000.077.492 | 1.353.477.318 | 197.229.826.211 |

Giá trị còn lại

Số đầu năm

Số cuối năm

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

CHỨNG THỰC BẢN SAO

128.930.897.108 163.657.703.991 19.294.504.479

122.602.044.892 149.198.176.831 17.269.358.204

Số chứng thực... quyền số... SCTIB

Ngày... tháng... năm 2021

CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Thị Tâm T. C. Y. M. A. U.
Kế toán trưởng

Trần Quốc Phong
Người lập



Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

BẢN SAO
Đơn vị tính: VND

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|------------------------|----------------------|-----------------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm trước | 555.000.000.000 | 6.800.000.000 | 100.555.594.331 | 662.355.594.331 |
| Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong năm trước | 75.000.000.000 | - | - | 75.000.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 55.838.159.709 | 55.838.159.709 |
| Số dư cuối năm trước | 630.000.000.000 | 6.800.000.000 | 156.393.754.040 | 793.193.754.040 |
| Số dư đầu năm nay | 630.000.000.000 | 6.800.000.000 | 156.393.754.040 | 793.193.754.040 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | 63.069.341.137 | 63.069.341.137 |
| Số dư cuối năm nay | 630.000.000.000 | 6.800.000.000 | 219.463.095.177 | 856.263.095.177 |

CHỨNG TỪ BẢN ĐÓNG VỐN CHÍNH

Số chứng thực: 4153, quyền số: 1.322.5-SCT/1

Ngày 22 tháng 06 năm 2022


Trần Quốc Phong
Người lập

Ngày 22 tháng 06 năm 2022

ĐÓNG VỐN CHÍNH


CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX
KSDN: 2001122008
TP. CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU
Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc


S. K. H. S. VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG CAO THẮNG
Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng

4000 Bùi Xuân Liền


CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX
C. T. H. D.
CÀ MAU

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|--------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 14 - 44 |
| 8. Phụ lục | 45 - 47 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Camimex (tiền thân là Công ty TNHH Camimex) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần 13 ngày 11 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại : (0290) 3 831 608
- Fax : (0290) 3 580 827

Công ty có Chi nhánh Công ty Cổ phần Camimex tại thành phố Hồ Chí Minh đặt tại địa chỉ: 33/3 đường Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Chế biến thủy sản các loại;
- Nuôi tôm;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Xuất khẩu nông sản thực phẩm;
- Xuất nhập khẩu thủy sản các loại;
- Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân;
- Bán buôn tổng hợp;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|---------------------|------------|---|
| Ông Bùi Sĩ Tuấn | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019 |
| Ông Bùi Đức Cường | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019 |
| Ông Đặng Ngọc Sơn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2020 |
| Ông Trần Minh Thiệu | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2020 |
| Ông Trần Quốc Phong | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2020 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2021 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|------------|---|
| Bà Lữ Hồng Lam | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Đăng Duẩn | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Hoài Linh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021 |
| Bà Đinh Thị Hoa | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|------------------------|------------|--|
| Ông Nguyễn Văn Thắng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021 Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Đặng Ngọc Sơn | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2020 |
| Ông Bùi Đức Cường | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019 |
| Ông Huỳnh Văn Tấn | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2019 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019).

Ông Bùi Sĩ Tuấn đã ủy quyền cho Ông Bùi Đức Cường – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy ủy quyền số 03/UQ/HĐQT/CMC.2022 ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Bùi Sĩ Tuấn
Chủ tịch

**CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực 12154 quyền số 015023-SCT/BS

Ngày 20 tháng 06 năm 2023

Ngày 15 tháng 3 năm 2022



Cao Thị Kiểm Điểm

Số: 4.0096/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2022, từ trang 07 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



CHỨNG THỰC BẢN SAO

Nguyễn Hữu Danh - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2018-008-1

Nguyễn Hữu Nghi - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3132-2020-008-1

Số chứng thực: 1455, quyển số 01/2022 SCT/

TP. Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Ngày 20 tháng 06 năm 2023

CÔNG CHỨNG VIÊN



Cao Thị Kiều Diễm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1.353.778.364.639 | 1.132.109.829.964 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 24.211.188.640 | 5.627.858.635 |
| 1. Tiền | 111 | V.1 | 24.211.188.640 | 5.627.858.635 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | 8.232.635.616 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | - | 8.232.635.616 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 471.141.479.294 | 508.153.781.893 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 426.439.046.416 | 193.683.496.107 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 40.763.655.307 | 195.630.681.480 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | 90.981.857.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 4.821.074.071 | 27.857.747.306 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (882.296.500) | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 851.128.429.187 | 602.350.615.573 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 890.485.276.570 | 638.738.320.852 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.7 | (39.356.847.383) | (36.387.705.279) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 7.297.267.518 | 7.744.938.247 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 786.038.628 | 1.247.127.181 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 3.574.714.548 | 3.713.471.635 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.16 | 2.936.514.342 | 2.784.339.431 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 871.972.303.134 | 807.960.191.911 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 871.972.303.134 | 807.960.191.911 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.22a | 630.000.000.000 | 630.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 630.000.000.000 | 630.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.22a | 6.800.000.000 | 6.800.000.000 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.22a | 223.377.239.521 | 159.656.696.527 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 159.656.696.527 | 159.656.696.527 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 63.720.542.994 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | V.22a | 11.795.063.613 | 11.503.495.384 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.921.779.147.378 | 1.693.310.999.136 |

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 1456 quyền số: 2023-SCT/ĐC

Ngày 20 tháng 03 năm 2023

CÔNG CHỨNG VIỆN

Cà Mau, ngày 14 tháng 3 năm 2022


Trần Quốc Phong
Người lậpNguyễn Thị Lam
Kế toán trưởngBùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN SAO**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 2,043,784,498,129 | 1,431,203,637,588 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 3,119,933,750 | 11,935,715,831 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 2,040,664,564,379 | 1,419,267,921,757 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 1,794,627,413,095 | 1,237,424,163,611 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 246,037,151,284 | 181,843,758,146 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 12,633,301,989 | 8,814,783,006 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 52,469,470,295 | 47,163,186,258 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 41,474,498,047 | 38,460,115,275 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 86,131,853,767 | 41,199,405,809 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 46,914,228,405 | 35,165,946,925 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 73,154,900,806 | 67,130,002,160 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 11,926,354,988 | 148,526,376 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 10,470,623,420 | 4,010,431,072 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 1,455,731,568 | (3,861,904,696) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 74,610,632,374 | 63,268,097,464 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.16 | 10,624,673,507 | 7,252,916,055 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.10 | (26,152,356) | (148,492,952) |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 64,012,111,223 | 56,163,674,361 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 63,720,542,994 | 55,979,578,854 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 291,568,229 | 184,095,507 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.11a | 1,011 | 927 |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.11a | 1,011 | 927 |

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

SỞ CHỨNG THỰC... quyền số... SCT/BS

Ngày 20 tháng 06 năm 2022

CÔNG CHỨNG VIÊNTrần Quốc Phong
Người lậpNguyễn Thị Lam
Kế toán trưởngBùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 14 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, nhóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-----------------|-----------------------------------|--------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 74.610.632.374 | 63.268.097.464 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9, V.10, V.11 | 53.812.111.535 | 44.779.577.197 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6, V.7 | 3.851.438.604 | 6.365.049.823 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.4, VI.5 | 2.052.003.200 | (322.681.949) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4, VI.8 | (1.097.528.803) | (784.548.521) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 41.474.498.047 | 38.460.115.275 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 174.703.154.957 | 151.765.609.289 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (115.117.840.300) | 25.603.496.840 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (251.746.955.718) | (28.018.137.082) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 161.742.342.145 | (90.487.939.066) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 2.239.790.389 | (6.031.710.593) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | V.19, VI.5 | (41.215.600.379) | (38.600.487.472) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.16 | (7.385.775.808) | (10.533.952.758) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.21 | (100.000.000) | (20.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (76.880.884.714) | 3.676.879.158 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9, V.12 | (44.759.815.974) | (99.267.134.442) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 32.907.938.087 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (42.995.280.000) | (186.133.635.616) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 142.209.772.616 | 94.839.143.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | V.2b | (50.000.000.000) | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5a, VI.4 | 416.280.204 | 784.548.521 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 37.778.894.933 | (189.777.078.537) |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

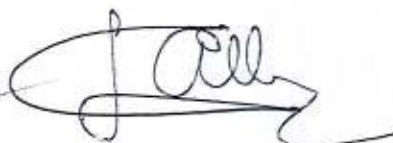
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------------------------------|-----------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | 77.547.000.000 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.20a,b 2.901.885.348.913 | 2.032.459.174.907 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.20a,b (2.836.873.189.983) | (1.931.884.786.235) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | V.20a (7.346.982.729) | (6.826.669.360) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | <u>57.665.176.201</u> | <u>171.294.719.312</u> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 18.563.186.420 | (14.805.480.067) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 5.627.858.635 | 20.402.518.124 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 20.143.585 | 30.820.578 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 <u>24.211.188.640</u> | <u>5.627.858.635</u> |

Cà Mau, ngày 14 tháng 3 năm 2022


Trần Quốc Phong
Người lập

Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng

Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN SAO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Tập đoàn có xuất bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (xem thuyết minh số VI.1b) với tổng doanh thu và giá vốn theo sổ sách lần lượt là 351.658.273.472 VND và 301.762.248.895 VND, làm phát sinh khoản lãi 49.896.024.577 VND.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Công ty con được hợp nhất

Công ty chi đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Camimex Organic có trụ sở chính tại ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, nuôi tôm và nuôi trồng thủy sản nội địa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 79,21% (số đầu năm là 79,21%).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.073 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 978 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ Kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng

Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo thời hạn thuê (05 năm).

Phí bảo lãnh vay vốn

Phí bảo lãnh vay vốn phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo thời gian bảo lãnh (06 năm).

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 03 – 44 |
| Máy móc và thiết bị | 03 – 54 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 – 14 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 04 – 05 |

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị | 05 |

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất nhận góp vốn được ghi nhận theo giá trị đánh giá của Hội đồng giao nhận tài sản góp vốn. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép sử dụng. Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của Nhãn hiệu, tên thương mại mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 2.219.742.555 | 2.979.158.766 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 21.991.446.085 | 2.648.699.869 |
| Cộng | <u>24.211.188.640</u> | <u>5.627.858.635</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|-----------------------------|--------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> |
| Ngắn hạn | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng | - | - | 8.232.635.616 | 8.232.635.616 |
| | - | - | 8.232.635.616 | 8.232.635.616 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| <i>Dài hạn</i> | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng (*) | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Cộng | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| | | | 13.232.635.616 | 13.232.635.616 |

(*) Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau và Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Trong năm, Tập đoàn đã mua 5.000.000 cổ phần tương đương 16,67% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Camimex Foods với giá mua là 50.000.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | 127.902.144.863 |
| Công ty Cổ phần Camimex Group | - | 127.767.144.863 |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải | - | 135.000.000 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 426.439.046.416 | 65.781.351.244 |
| Công ty TNHH Thương mại Thảo Vy Cà Mau | 49.221.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh | 143.488.800.000 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú | 104.200.000.000 | - |
| Các khách hàng khác | 129.529.246.416 | 65.781.351.244 |
| Cộng | 426.439.046.416 | 193.683.496.107 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|------------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | 2.500.000.000 | 101.611.439.499 |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải | - | 101.611.439.499 |
| Ông Bùi Đức Cường | 2.500.000.000 | - |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | 38.263.655.307 | 94.019.241.981 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Xây dựng Trường Giang | 8.540.620.000 | 16.876.646.000 |
| M/s Satish Marine Exim Private Limited | - | 12.855.493.670 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghiệp Á Châu | 1.740.288.000 | 1.675.800.500 |
| Công ty TNHH MTV Thiết kế - Giám sát - Xây dựng Hưng Long | 739.361.500 | 739.361.500 |
| Công ty TNHH Cơ điện lạnh Recom | 14.921.277.959 | 374.346.787 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|------------------------|
| Trạm thu mua nguyên liệu 184 | 4.874.125.211 | - |
| Ông Huỳnh Công Nhân - Trả trước hợp đồng chuyển giao công nghệ | - | 45.000.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 7.447.982.637 | 16.497.593.524 |
| Cộng | 40.763.655.307 | 195.630.681.480 |

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Phải thu các bên liên quan | - | - | 12.603.084.447 | - |
| Công ty Cổ phần Camimex Group - Phải thu chi phí bảo hiểm dịch vụ | - | - | 2.617.768.213 | - |
| Công ty Cổ phần Camimex Group - Phải thu tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu | - | - | 5.558.743.623 | - |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải - Phải thu khác | - | - | 1.235.728.778 | - |
| Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát - Phải thu khác | - | - | 1.533.806.069 | - |
| Các cá nhân có liên quan - Tạm ứng | - | - | 1.657.037.764 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 4.821.074.071 | - | 15.254.662.859 | - |
| Tạm ứng | 3.691.723.691 | - | 4.973.662.479 | - |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn | 194.219.178 | - | 25.367.274 | - |
| Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 910.000.000 | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 25.131.202 | - | 10.255.633.106 | - |
| Cộng | 4.821.074.071 | - | 27.857.747.306 | - |

5b. Phải thu dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Phải thu các tổ chức khác | | | | |
| Các khoản ký quỹ | 7.618.672.000 | - | 7.618.672.000 | - |
| - Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam | 7.470.000.000 | - | 7.470.000.000 | - |
| - Chi nhánh Công ty Cổ phần Bitexco Nam Long | 148.672.000 | - | 148.672.000 | - |
| Cộng | 7.618.672.000 | - | 7.618.672.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|---------------------------------|--------------------|---------------------------|------------|---------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| <i>Các tổ chức khác</i> | | | | | |
| Công ty TNHH MTV Thiết kế - Giám sát - Xây dựng Hưng Long | | | | | |
| - Trả trước cho người bán | Trên 03 năm | 739.361.500 | - | - | - |
| Phải thu các tổ chức khác | Từ 02 năm đến trên 03 năm | 178.335.000 | 35.400.000 | - | - |
| Cộng | | 917.696.500 | 35.400.000 | - | - |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|--------------------|-----------|
| Số đầu năm | - | - |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 882.296.500 | - |
| Số cuối năm | 882.296.500 | - |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 10.546.456.052 | - | 8.236.110.894 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 1.683.291.539 | - | 1.281.341.494 | - |
| Thành phẩm | 878.255.528.979 | (39.356.847.383) | 629.220.868.464 | (36.387.705.279) |
| Cộng | 890.485.276.570 | (39.356.847.383) | 638.738.320.852 | (36.387.705.279) |

Một số thành phẩm tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 276.600.000.000 VND (số đầu năm là 127.200.000.000 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 36.387.705.279 | 30.022.655.456 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 2.969.142.104 | 6.365.049.823 |
| Số cuối năm | 39.356.847.383 | 36.387.705.279 |

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 767.786.660 | 804.648.472 |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 18.251.968 | 347.302.709 |
| Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng | - | 53.750.000 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | - | 41.426.000 |
| Cộng | 786.038.628 | 1.247.127.181 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 3.858.508.030 | 2.707.372.986 |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 6.437.815.913 | 8.030.716.005 |
| Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng | 117.814.504 | 1.087.814.498 |
| Phí bảo lãnh vay vốn | 398.426.393 | 519.309.725 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 4.408.318.566 | 4.654.372.028 |
| Cộng | <u>15.220.883.406</u> | <u>16.999.585.242</u> |

9. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 210.336.141.951 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng và Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

| | <u>Máy móc và thiết bị</u> |
|------------------------|------------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | 45.424.320.258 |
| Số cuối năm | <u>45.424.320.258</u> |
| Giá trị hao mòn | |
| Số đầu năm | 14.149.183.348 |
| Khấu hao trong năm | 8.936.333.904 |
| Số cuối năm | <u>23.085.517.252</u> |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 31.275.136.910 |
| Số cuối năm | <u>22.338.803.006</u> |

11. Tài sản cố định vô hình

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Nhãn hiệu, tên thương mại</u> | <u>Chương trình phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 49.300.513.000 | 62.907.674.178 | 781.225.808 | 112.989.412.986 |
| Số cuối năm | <u>49.300.513.000</u> | <u>62.907.674.178</u> | <u>781.225.808</u> | <u>112.989.412.986</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | 331.225.808 | 331.225.808 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 3.973.447.648 | 12.581.550.832 | 393.725.808 | 16.948.724.288 |
| Khấu hao trong năm | 1.164.184.032 | 3.145.383.708 | 150.000.000 | 4.459.567.740 |
| Số cuối năm | <u>5.137.631.680</u> | <u>15.726.934.540</u> | <u>543.725.808</u> | <u>21.408.292.028</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Nhãn hiệu, tên thương mại</u> | <u>Chương trình phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------|--------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|-----------------------|
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 45.327.065.352 | 50.326.123.346 | 387.500.000 | 96.040.688.698 |
| Số cuối năm | <u>44.162.881.320</u> | <u>47.180.739.638</u> | <u>237.500.000</u> | <u>91.581.120.958</u> |

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 44.162.881.320 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 139.974.268 | - |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | 26.152.356 | 139.974.268 |
| Số cuối năm | <u>166.126.624</u> | <u>139.974.268</u> |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

14. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 36.710.582.164 | 42.616.827.931 |
| Công ty Cổ phần Camimex Group | - | 23.343.746 |
| Công ty Cổ phần Camimex Logistics | 15.695.041.369 | 3.432.857.407 |
| Công ty Cổ phần Camimex Foods | 5.147.132.051 | 247.575.541 |
| Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát | 1.184.859.192 | 1.882.489.352 |
| Công ty TNHH Thủy sản Ngân Thiên Phú | - | 37.030.561.885 |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải | 14.683.549.552 | - |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 141.034.424.958 | 194.657.375.579 |
| Ulka Seafoods (P) Ltd | - | 8.978.261.960 |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh | 59.637.551.824 | 28.489.681.482 |
| Interseas, Ltd | 5.763.875.760 | 9.848.450.699 |
| Aqua Geno Exim, Ltd | - | 28.386.995.562 |
| Công ty TNHH MTV Bùi Ngọc Trâm | 32.203.840.392 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 43.429.156.982 | 118.953.985.876 |
| Cộng | <u>177.745.007.122</u> | <u>237.274.203.510</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|----------------------|
| <i>Trả trước của bên liên quan</i> | <i>151.000.000.000</i> | - |
| Công ty Cổ phần Camimex Group | 151.000.000.000 | - |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | <i>2.901.872.999</i> | <i>6.188.131.216</i> |
| Aqua Link Co., Ltd. | - | 693.570.624 |
| DKSH GMBH | - | 4.648.017.000 |
| Shin Gang Corp | - | 692.619.050 |
| Các khách hàng khác | 2.901.872.999 | 153.924.542 |
| Cộng | 153.901.872.999 | 6.188.131.216 |

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong năm</u> | | <u>Số cuối năm</u> | |
|--|----------------------|----------------------|-------------------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã thực nộp</u> | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | | | 1.779.164.568 | (432.225.903) | 1.346.938.665 | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | | - 2.784.339.431 | - | - | - | - 2.784.339.431 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.269.904.421 | - | 10.624.673.507 | (7.385.775.808) | 10.508.802.120 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 706.067.339 | - | 823.263.939 | (1.681.506.189) | - | 152.174.911 |
| Thuế tài nguyên | 8.200.400 | - | 159.733.200 | (152.084.400) | 15.849.200 | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 39.331.731 | (39.331.731) | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 370.088.092 | (370.088.092) | - | - |
| Cộng | 7.984.172.160 | 2.784.339.431 | 13.796.255.037 | (10.061.012.123) | 11.871.589.985 | 2.936.514.342 |

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|---|--------------------------|
| - Hàng thủy sản xuất khẩu | 0% |
| - Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại | Không kê khai, tính thuế |
| - Sản xuất giống thủy sản | Không chịu thuế |
| - Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản | 5% |
| - Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản | 10% |
| - Các dịch vụ khác | 10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Camimex

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty TNHH Camimex Organic

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính Phủ, Công ty TNHH Camimex Organic kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Camimex | 10.136.121.477 | 7.088.755.829 |
| Công ty TNHH Camimex Organic | 488.552.030 | 164.160.226 |
| Cộng | 10.624.673.507 | 7.252.916.055 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các Công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất với mức 5.000 VND/m³ và cho hoạt động khai thác nước trên mặt với mức 4.000 VND/m³.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | 48.122.329 |
| Công ty Cổ phần Camimex Group - Phải trả cho hoạt động ủy thác xuất khẩu | - | 48.122.329 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 16.077.687.890 | 4.715.995.325 |
| Kinh phí công đoàn | 3.084.604.497 | 2.587.597.858 |
| Bảo hiểm xã hội | 858.246.732 | 337.154.458 |
| Nhận ký quỹ ngắn hạn | 480.000.000 | 300.000.000 |
| Coop Basel - Tiền mượn | 7.779.303.787 | - |
| Jullia Alex Asianfood - Tiền đặt cọc chuyển không đúng hợp đồng | 2.903.758.000 | - |
| Nhóm quản lý phát triển nuôi tôm sinh thái | - | 733.141.951 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 971.774.874 | 758.101.058 |
| Cộng | <u>16.077.687.890</u> | <u>4.764.117.654</u> |

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i> | 16.490.081.030 | 61.005.423.261 |
| Vay các cá nhân có liên quan | 8.720.000.000 | 33.802.000.000 |
| Vay Công ty Cổ phần Camimex Group ^(vii) | 7.770.081.030 | - |
| Vay Công ty Cổ phần Camimex Foods ^(vii) | - | 5.510.493.964 |
| Vay Công ty TNHH LD Công nghệ cao Camimex ^(vii) | - | 5.000.000.000 |
| Vay Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải ^(vii) | - | 16.692.929.297 |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 535.636.254.928 | 525.329.121.727 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 478.918.285.080 | 367.097.736.688 |
| - Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾ | 78.762.175.100 | 88.240.420.938 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾ | 31.363.117.926 | 39.234.150.828 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 154.602.231.603 | 113.586.114.541 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ^(iv) | 133.707.882.570 | 55.776.945.300 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(v) | 43.281.860.321 | 36.517.195.000 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh | - | 33.742.910.081 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ^(vi) | 37.201.017.560 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác ^(vii) | 10.400.000.000 | 28.400.553.933 |
| - Vay Công ty TNHH MTV Bùi Ngọc Trâm | - | 15.000.000.000 |
| - Vay Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú | 10.400.000.000 | 7.900.000.000 |
| - Vay ngắn hạn các tổ chức khác | - | 5.500.553.933 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân ^(vii) | 30.650.000.000 | 15.780.000.000 |
| Trái phiếu thường ngắn hạn ^(viii) | - | 99.449.701.940 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b) | 5.384.168.000 | 5.837.488.000 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b) | 10.283.801.848 | 8.763.641.166 |
| Cộng | 552.126.335.958 | 586.334.544.988 |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động mua tôm nguyên liệu với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.9 và V.11).
- (ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý, tài sản hình thành trong tương lai và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.7, V.9 và VII.1a).
- (iii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn và quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.9 và V.11).
- (iv) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hợp đồng tiền gửi, hàng hóa và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.2a, V.7 và VII.1a).
- (v) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất của Công ty và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.9, V.11 và VII.1a).
- (vi) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng.
- (vii) Khoản vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác không tính lãi.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Số tiền vay đã trả trong năm | Chênh lệch tỷ giá cuối năm | Số cuối năm |
|-------------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------------|------------------------------|----------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 367.097.736.688 | 2.075.473.704.840 | - | (1.965.025.134.313) | 1.371.977.865 | 478.918.285.080 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | 55.603.977.194 | 264.425.981.030 | - | (301.859.877.194) | - | 18.170.081.030 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 49.582.000.000 | 449.320.000.000 | - | (459.532.000.000) | - | 39.370.000.000 |
| Trái phiếu thường ngắn hạn | 99.449.701.940 | 550.298.060 | - | (100.000.000.000) | - | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 5.837.488.000 | - | 5.384.168.000 | (5.837.488.000) | - | 5.384.168.000 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 8.763.641.166 | - | 8.867.143.411 | (7.346.982.729) | - | 10.283.801.848 |
| Cộng | 586.334.544.988 | 2.789.769.983.930 | 14.251.311.411 | (2.839.601.482.236) | 1.371.977.865 | 552.126.335.958 |

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|-----------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 1.227.120.000 | 2.855.035.000 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾ | 1.227.120.000 | 1.875.035.000 |
| - Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau | - | 980.000.000 |
| Vay dài hạn các tổ chức khác | 6.830.000.000 | 9.530.000.000 |
| Vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾ | 6.830.000.000 | 9.530.000.000 |
| Nợ thuê tài chính | 19.280.114.311 | 19.447.257.722 |
| Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,2%/năm, thời hạn 05 năm | 12.175.114.311 | 19.447.257.722 |
| Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 8%/năm, thời hạn 05 năm | 7.105.000.000 | - |
| Trái phiếu thường dài hạn ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 97.740.421.507 | - |
| Cộng | 125.077.655.818 | 31.832.292.722 |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau để mua xe ô tô với lãi suất của 6 tháng đầu tiên là 9,0%/năm, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn vay 48 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 01 năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam để đầu tư nhà máy xử lý nước thải-1000m³/ngày đêm tại nhà máy xí nghiệp 5 với lãi suất 2%/năm, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 10 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng Chứng thư bảo lãnh Ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Cà Mau, thế chấp toàn bộ hệ thống xử lý nước thải và Hợp đồng tiền gửi (xem thuyết minh số V.2 và V.9).

- (iii) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 24 tháng, tổng mệnh giá 100.000.000.000 VN với lãi suất 11,25%/năm được phát hành cho các nhà đầu tư riêng lẻ để bổ sung vốn lưu động.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | <u>Từ 01 năm trở xuống</u> | <u>Trên 01 năm đến 05 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|--------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 2.684.168.000 | 1.227.120.000 | 3.911.288.000 |
| Vay dài hạn tổ chức khác | 2.700.000.000 | 6.830.000.000 | 9.530.000.000 |
| Nợ thuê tài chính | 10.283.801.848 | 19.280.114.311 | 29.563.916.159 |
| Trái phiếu thường | - | 97.740.421.507 | 97.740.421.507 |
| Cộng | 15.667.969.848 | 125.077.655.818 | 140.745.625.666 |

| | | | |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 3.137.488.000 | 2.855.035.000 | 5.992.523.000 |
| Vay dài hạn tổ chức khác | 2.700.000.000 | 9.530.000.000 | 12.230.000.000 |
| Nợ thuê tài chính | 8.763.641.166 | 19.447.257.722 | 28.210.898.888 |
| Cộng | 14.601.129.166 | 31.832.292.722 | 46.433.421.888 |

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

| | <u>Từ 01 năm trở xuống</u> | <u>Trên 01 năm đến 05 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-----------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Tiền gốc phải trả | 10.283.801.848 | 19.280.114.311 | 29.563.916.159 |
| Lãi thuê phải trả | 2.244.071.868 | 754.878.170 | 2.998.950.038 |
| Nợ thuê tài chính phải trả | 12.527.873.716 | 20.034.992.481 | 32.562.866.197 |

| | | | |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | | | |
| Tiền gốc phải trả | 8.763.641.166 | 19.447.257.722 | 28.210.898.888 |
| Lãi thuê phải trả | 1.989.913.356 | 953.913.640 | 2.943.826.996 |
| Nợ thuê tài chính phải trả | 10.753.554.522 | 20.401.171.362 | 31.154.725.884 |

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--------------------------|-----------------------|--|-------------------------------------|---|------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 2.855.035.000 | 1.300.000.000 | (243.747.000) | (2.684.168.000) | 1.227.120.000 |
| Vay dài hạn tổ chức khác | 9.530.000.000 | - | - | (2.700.000.000) | 6.830.000.000 |
| Nợ thuê tài chính | 19.447.257.722 | 8.700.000.000 | - | (8.867.143.411) | 19.280.114.311 |
| Trái phiếu thường | - | 102.115.364.983 | (4.374.943.476) | - | 97.740.421.507 |
| Cộng | 31.832.292.722 | 112.115.364.983 | (4.618.690.476) | (14.251.311.411) | 125.077.655.818 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tập đoàn chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------|
| Quỹ phúc lợi | 980.000.000 | (100.000.000) | 880.000.000 |
| Cộng | 980.000.000 | (100.000.000) | 880.000.000 |

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Camimex Group | 483.150.000.000 | 483.150.000.000 |
| Ông Bùi Sĩ Tuấn | 9.860.000.000 | 2.560.000.000 |
| Các cổ đông khác | 136.990.000.000 | 144.290.000.000 |
| Cộng | 630.000.000.000 | 630.000.000.000 |

22c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 63.000.000 | 63.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 63.000.000 | 63.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 63.000.000 | 63.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 63.000.000 | 63.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 63.000.000 | 63.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 7.615,99 USD (số đầu năm là 96.065 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 83.001.573.300 | 105.008.612.799 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 1.938.323.968.523 | 1.315.837.088.030 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công | 22.458.956.306 | 10.357.936.759 |
| Cộng | <u>2.043.784.498.129</u> | <u>1.431.203.637.588</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------------|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Camimex Group | | |
| Doanh thu bán thành phẩm | 65.388.822.950 | 1.324.260.000 |
| Doanh thu gia công | 22.332.265.178 | 5.142.681.855 |

Công ty Cổ phần Camimex Foods

| | | |
|--------------------------|---------------|---------------|
| Doanh thu hàng hóa | 287.007.900 | 38.220.500 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 5.288.667.600 | 3.894.299.350 |
| Doanh thu gia công | 1.695.600 | 4.392.057.740 |

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải

| | | |
|--------------------------|-----------------|----------------|
| Doanh thu hàng hóa | - | 45.936.678.050 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 117.706.782.283 | 21.079.204.866 |

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát

| | | |
|--------------------------|----------------|----------------|
| Doanh thu hàng hóa | - | 54.050.805.149 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 50.156.832.079 | - |

2. Khoản giảm trừ doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Chiết khấu thương mại | - | 407.750.221 |
| Hàng bán bị trả lại | 3.053.895.350 | 11.527.965.610 |
| Giảm giá hàng bán | 66.038.400 | - |
| Cộng | <u>3.119.933.750</u> | <u>11.935.715.831</u> |

3. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 73.661.553.845 | 98.583.701.529 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 1.700.187.279.835 | 1.123.651.516.110 |
| Giá vốn của dịch vụ gia công đã cung cấp | 17.809.437.311 | 8.823.896.149 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 2.969.142.104 | 6.365.049.823 |
| Cộng | <u>1.794.627.413.095</u> | <u>1.237.424.163.611</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền không kỳ hạn | 13.186.605 | 3.512.707 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 585.132.108 | 784.548.521 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 12.034.983.276 | 7.704.039.829 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 322.681.949 |
| Cộng | <u>12.633.301.989</u> | <u>8.814.783.006</u> |

5. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 41.474.498.047 | 38.460.115.275 |
| <i>Chi phí lãi vay Ngân hàng và lãi vay thuê tài chính</i> | <i>30.757.578.749</i> | <i>23.494.547.184</i> |
| <i>Chi phí lãi trái phiếu</i> | <i>10.716.919.298</i> | <i>14.965.568.091</i> |
| Chi phí phát hành trái phiếu | 2.087.850.325 | 3.132.204.410 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 6.855.118.723 | 5.570.866.573 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 2.052.003.200 | - |
| Cộng | <u>52.469.470.295</u> | <u>47.163.186.258</u> |

6. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 4.453.991.748 | 4.112.112.132 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 204.000.000 | 204.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 67.389.933.760 | 32.128.741.217 |
| Các chi phí khác | 14.083.928.259 | 4.754.552.460 |
| Cộng | <u>86.131.853.767</u> | <u>41.199.405.809</u> |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 12.790.274.641 | 12.735.583.811 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 2.195.117.946 | 698.158.751 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 8.787.958.551 | 7.647.294.303 |
| Thuế, phí và lệ phí | 51.020.000 | 24.920.000 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 882.296.500 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 250.767.000 | 238.559.003 |
| Các chi phí khác | 21.956.793.767 | 13.821.431.057 |
| Cộng | <u>46.914.228.405</u> | <u>35.165.946.925</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Thu nhập khác**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|---------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 512.396.695 | - |
| Tiền bồi thường | 7.991.056.294 | - |
| Thu nhập từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ | 2.925.831.276 | - |
| Tiền nhập từ hỗ trợ doanh nghiệp | - | 104.279.180 |
| Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ | - | 20.000.000 |
| Thu nhập khác | 497.070.723 | 24.247.196 |
| Cộng | <u>11.926.354.988</u> | <u>148.526.376</u> |

9. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Phạt do vi phạm hợp đồng | 569.654.055 | 445.522.042 |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 687.259.040 | 643.219.081 |
| Chi trợ cấp mất việc làm cho nhân viên nghỉ việc | 180.109.690 | 295.145.328 |
| Lãi phạt chậm nộp Bảo hiểm xã hội | 4.528.410.367 | 1.045.017.777 |
| Chi phí khác | 4.505.190.268 | 1.581.526.844 |
| Cộng | <u>10.470.623.420</u> | <u>4.010.431.072</u> |

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------------------|-----------------------------|
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | (26.152.356) | (139.974.268) |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả | - | (8.518.684) |
| Cộng | <u>(26.152.356)</u> | <u>(148.492.952)</u> |

11. Lãi trên cổ phiếu**11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | 63.720.542.994 | 55.979.578.854 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 63.720.542.994 | 55.979.578.854 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 63.000.000 | 60.408.493 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | <u>1.011</u> | <u>927</u> |

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 63.000.000 | 55.500.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm | - | 4.908.493 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 63.000.000 | 60.408.493 |

11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.520.228.918.266 | 1.170.225.001.096 |
| Chi phí nhân công | 114.433.713.587 | 103.090.269.251 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 53.812.111.535 | 44.779.577.197 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 102.641.511.253 | 60.505.051.643 |
| Chi phí khác | 82.040.056.745 | 26.125.024.670 |
| Cộng | 1.873.156.311.386 | 1.404.724.923.857 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------|------------------|
| Các thành viên Hội đồng quản trị | | |
| Mua cổ phần từ các cổ đông khác | 7.300.000.000 | - |
| Nhận góp vốn bằng tiền | - | 1.000.000.000 |
| Vay tiền không lãi suất | 24.670.000.000 | 2.200.000.000 |
| Trả tiền vay | (24.250.000.000) | (2.200.000.000) |
| Ứng trước tiền mua đất | 2.500.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Các thành viên Ban Tổng Giám đốc | | |
| Vay tiền không lãi suất | - | 135.000.000 |
| Trả tiền vay | - | (5.848.250.000) |
| Nhận góp vốn bằng tiền | - | 1.500.000.000 |
| Cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt | | |
| Bán tài sản được đầu tư từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 32.885.210.814 | - |
| Vay tiền không lãi suất | 950.000.000 | 9.150.000.000 |
| Trả tiền vay | - | (5.000.000.000) |

Cam kết bảo lãnh

Các thành viên Hội đồng quản trị đã dùng cổ phiếu thuộc sở hữu của mình, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 99.102.360.000 VND (xem thuyết minh số V.20a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.20a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Camimex:

| | Chức danh | Tiền lương | Thù lao | Cộng thu nhập |
|-----------------------|---|--------------------|--------------------|----------------------|
| Năm nay | | | | |
| Ông Bùi Sĩ Tuấn | Chủ tịch Hội đồng quản trị | - | 72.000.000 | 72.000.000 |
| Ông Đặng Ngọc Sơn | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc | 234.639.849 | 48.000.000 | 282.639.849 |
| Ông Bùi Đức Cường | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 234.640.569 | 48.000.000 | 282.640.569 |
| Ông Trần Minh Thiệu | Thành viên Hội đồng quản trị | - | 48.000.000 | 48.000.000 |
| Ông Trần Quốc Phong | Thành viên Hội đồng quản trị | - | 44.000.000 | 44.000.000 |
| Ông Huỳnh Văn Tấn | Phó Tổng Giám đốc | 232.795.915 | - | 232.795.915 |
| Bà Lữ Hồng Lam | Trưởng Ban Kiểm soát | - | 18.800.000 | 18.800.000 |
| Ông Nguyễn Đăng Duẩn | Trưởng Ban Kiểm soát | - | 17.200.000 | 17.200.000 |
| Ông Nguyễn Hoài Linh | Thành viên Ban Kiểm soát | - | 12.533.333 | 12.533.333 |
| Bà Đinh Thị Hoa | Thành viên Ban Kiểm soát | - | 12.533.333 | 12.533.333 |
| Ông Nguyễn Văn Thắng | Thành viên Ban Kiểm soát | - | 11.466.667 | 11.466.667 |
| Ông Nguyễn Hoàng Nghị | Thành viên Ban Kiểm soát | - | 11.466.667 | 11.466.667 |
| Cộng | | 702.076.333 | 344.000.000 | 1.046.076.333 |
| Năm trước | | | | |
| Ông Bùi Sĩ Tuấn | Chủ tịch Hội đồng quản trị | 585.102.180 | - | 585.102.180 |
| Ông Đặng Ngọc Sơn | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc | 227.124.740 | - | 227.124.740 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Chức danh | Tiền lương | Thù lao | Cộng thu nhập |
|--------------------|---|----------------------|----------|----------------------|
| Ông Bùi Đức Cường | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 227.121.680 | - | 227.121.680 |
| Ông Huỳnh Văn Tấn | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 311.461.313 | - | 311.461.313 |
| Ông Nguyễn An Ninh | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 122.733.207 | - | 122.733.207 |
| Cộng | | 1.473.543.120 | - | 1.473.543.120 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác**Mối quan hệ**

| | |
|---|--|
| Công ty Cổ phần Camimex Group | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Camimex Logistics | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Camimex Foods | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex (tên cũ là Công ty TNHH LD Công nghệ cao Camimex) | Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải | Công ty liên quan của thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát | Công ty có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ |
| Công ty TNHH Thủy sản Ngân Thiên Phú | Công ty liên quan của thành viên Hội đồng quản trị của Công ty |
| Ông Nguyễn Xuân Toán | Cổ đông góp vốn |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Camimex Group | | |
| Nhận góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng | - | 68.447.000.000 |
| Mua tài sản cố định | - | 8.500.000.000 |
| Cho vay không lãi suất | - | (176.901.000.000) |
| Thu tiền cho vay | - | 93.839.143.000 |
| Vay tiền | 11.701.081.030 | - |
| Trả tiền vay | (3.931.000.000) | - |
| Nhận ứng trước tiền hàng | 151.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Camimex Logistics | | |
| Chi phí dịch vụ vận chuyển | 49.048.245.142 | 18.335.858.147 |
| Công ty Cổ phần Camimex Foods | | |
| Mua hàng hóa | 231.522.591.507 | 125.582.074.468 |
| Phí hỗ trợ mua tôm nguyên liệu | 20.373.154.454 | 2.408.619.375 |
| Chi phí gia công | 1.230.207.635 | 27.185.250 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------|------------------|
| Vay tiền | 50.468.000.000 | 1.000.000.000 |
| Trả tiền vay | (55.978.493.964) | (1.000.000.000) |
| Công ty TNHH LD Công nghệ cao Camimex | | |
| Vay tiền | - | 5.000.000.000 |
| Trả tiền vay | (5.000.000.000) | - |
| Nhận tiền hoàn lại từ dự án nuôi tôm công nghệ cao | 11.512.270.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải | | |
| Mua hàng | 125.500.788.151 | 69.612.611.333 |
| Ứng trước tiền mua nguyên liệu | - | (83.503.450.371) |
| Vay tiền không lãi suất | 113.786.900.000 | 47.479.422.691 |
| Trả tiền vay | (122.979.829.297) | (89.074.124.826) |
| Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát | | |
| Mua hàng hóa | - | 14.291.292.860 |
| Chi phí gia công | 267.455.900 | 1.792.847.000 |
| Vay tiền không lãi suất | - | 30.400.000.000 |
| Trả tiền vay | - | (30.400.000.000) |
| Ông Nguyễn Xuân Toán | | |
| Vay tiền không lãi suất | 13.500.000.000 | 65.114.000.000 |
| Trả tiền vay | (37.962.000.000) | (55.500.000.000) |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.14, V.15, V.19 và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là hoạt động chế biến các sản phẩm từ thủy sản đông lạnh. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Nước ngoài | 1.341.591.587.532 | 1.249.221.624.570 |
| Trong nước | 699.072.976.847 | 170.046.297.187 |
| Cộng | <u>2.040.664.564.379</u> | <u>1.419.267.921.757</u> |

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cà Mau, ngày 14 tháng 3 năm 2022


Trần Quốc Phong
Người lập


Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng


Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX
CÁ MAU - T. CÁ MAU
MSSDN: 2001122903

**CHỨNG THỰC SỰ SẴN SẴNG
ĐỒNG Ý VÀ BAN CHẤM**

Số chứng thực: quyền số: 1.23.1907.195

Ngày 14 tháng 03 năm 2022


CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG
CÔNG CHỨNG
CAO THỊ KIỀU DIỄM
TP. CÁ MAU - T. CÁ MAU

Cao Thị Kiều Diễm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 184.928.306.042 | 261.791.243.717 | 35.844.330.015 | 1.487.313.996 | 484.051.193.770 |
| Mua trong năm | 7.403.660.940 | 5.376.498.800 | 1.897.203.636 | 123.600.000 | 14.800.963.376 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 5.752.730.909 | 57.500.228 | - | - | 5.810.231.137 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (720.452.955) | - | (720.452.955) |
| Số cuối năm | 198.084.697.891 | 267.225.242.745 | 37.021.080.696 | 1.610.913.996 | 503.941.935.328 |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 21.864.344.083 | 32.484.479.962 | 3.981.517.046 | 1.229.813.996 | 59.560.155.087 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 54.319.925.266 | 96.041.212.637 | 17.249.696.877 | 1.265.246.533 | 168.876.081.313 |
| Khấu hao trong năm | 14.098.137.092 | 21.879.248.663 | 4.350.593.351 | 88.230.785 | 40.416.209.891 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (663.009.788) | - | (663.009.788) |
| Số cuối năm | 68.418.062.358 | 117.920.461.300 | 20.937.280.440 | 1.353.477.318 | 208.629.281.416 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 130.608.380.776 | 165.750.031.080 | 18.594.633.138 | 222.067.463 | 315.175.112.457 |
| Số cuối năm | 129.666.635.533 | 149.304.781.445 | 16.083.800.256 | 257.436.678 | 295.312.653.912 |
| Trong đó: | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

CHỨNG THỰC BÁN SẠO

CHỨNG THỰC BÁN SẠO
 Số chứng thực: 1.455..... quyền số: 1.688.230.176C
 - Ngày lập: tháng 05 năm 2022

Số chứng thực: 1.455..... quyền số: 1.688.230.176C

- Ngày lập: tháng 05 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX



(Handwritten signature)

Trần Quốc Phong
 Người lập

Nguyễn Thị Lam
 Kế toán trưởng

Bùi Đức Cường
 Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

BẢN SAO

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Đơn vị tính: VND |
|--|------------------------|----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------|
| Số dư đầu năm trước | 555.000.000.000 | 6.800.000.000 | 100.674.631.433 | 11.774.887.980 | 674.249.519.413 |
| Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong năm trước | 75.000.000.000 | - | - | - | - |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 55.979.578.854 | 2.547.000.000 | 77.547.000.000 |
| Tăng/(giảm) do ảnh hưởng hợp nhất kinh doanh năm trước | - | - | 2.841.177.800 | (2.841.177.800) | - |
| Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con trong năm trước | - | - | 161.310.303 | (161.310.303) | - |
| Giảm khác | - | - | (1.863) | - | (1.863) |
| Số dư cuối kỳ trước | 630.000.000.000 | 6.800.000.000 | 159.656.696.527 | 11.503.495.384 | 807.960.191.911 |
| Số dư đầu năm nay | 630.000.000.000 | 6.800.000.000 | 159.656.696.527 | 11.503.495.384 | 807.960.191.911 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | 63.720.542.994 | 291.568.229 | 64.012.111.223 |
| Số dư cuối kỳ này | 630.000.000.000 | 6.800.000.000 | 223.377.239.521 | 11.795.063.613 | 871.972.303.134 |

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

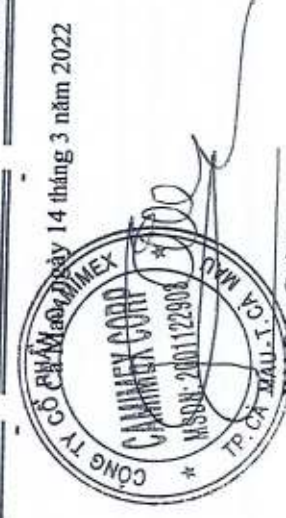
Số chứng thực: *.....*, quyền số *CU.002.SCTIB*

Ngày *đ.d.* tháng *đ.g.* năm *20 đ.d.*

CÔNG CHỨNG VIỆN



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng, *Niên Diem*



Ngày 14 tháng 3 năm 2022

Bur Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

Trần Quốc Phong
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục 03: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

BẢN SAO

Đơn vị tính: VND

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển vào chi phí | Kết chuyển giảm khác ⁽⁶⁾ | Cộng |
|---|----------------|-----------------------------|-------------------------------|------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 30.992.808.986 | 1.402.789.467 | (57.500.228) | (32.338.098.225) | - | - |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 57.959.190.611 | 40.068.333.131 | (5.752.730.909) | - | (11.512.270.000) | 80.762.522.833 |
| - Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 - Nhận bàn giao máy móc thiết bị góp vốn từ Công ty Cổ phần Camimex Group | 7.492.033.611 | - | - | - | - | 7.492.033.611 |
| - Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 - Nhận bàn giao chi phí đầu tư xây dựng cơ bản từ Công ty Cổ phần Camimex Group | 22.494.312.000 | - | - | - | - | 22.494.312.000 |
| - Công trình dự án nuôi tôm công nghệ cao | 11.512.270.000 | - | - | - | (11.512.270.000) | - |
| - Công trình thiết kế hạng mục Nhà máy xí nghiệp 3- Zone 1 sản xuất Cá Chém | 200.000.000 | 16.114.752.727 | - | - | - | 16.314.752.727 |
| - Công trình xây dựng kho, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau | - | 7.500.000.000 | - | - | - | 7.500.000.000 |
| - Công trình san lấp mặt bằng | 16.260.575.000 | 9.523.619.091 | - | - | - | 9.523.619.091 |
| - Các công trình khác | 88.951.999.597 | 41.471.122.598 | (5.810.231.137) | (37.338.098.225) | (11.512.270.000) | 17.437.803.404 |
| Cộng | | | | | | 80.762.522.833 |

⁽⁶⁾ Giám theo sự phân bổ dự án đầu tư của Tập đoàn Camimex cho Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Camimex tại Công văn số 300621/CV.CMM_2021 ngày 30/6/2021 của Chi tịch Hội đồng quản trị Công ty ký duyệt và dự án đã được hoàn tiền lại.

NGÀY THỰC HIỆN BẢN SAO CHÍNH
ĐIỀU HÀNH
Ngày 12 tháng 01 năm 2022

CÔNG CHỨNG VIÊN

ngày 14 tháng 3 năm 2022

VĂN PHÒNG
CÔNG CHỨNG VIÊN
C. T. H. D
MAU - T. C. MAU

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX
KSDH: 2001122903
TP. CÀ MAU

Trần Quốc Phong
Người lập

Nguyễn Thị Lâm
Kế toán trưởng

Bà Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc